

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 239/2023/HC-PT
Ngày: 17 - 4 - 2023
V/v: “*kiếu kiện quyết định giải quyết
kiếu nại và hành vi hành chính về việc
bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu
hồi đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Vân

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Long

Ông Mai Xuân Thành

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 776/2022/TLPT-HC ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc: “*kiếu kiện quyết định về việc giải quyết khiếu nại và hành vi về bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất*”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 117/2022/HC-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 646/2023/QĐPT-HC ngày 31 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Dương Tấn T, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 7, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông L Văn S, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Số 9A T, phường C, Quận N, Thành phố Cần Thơ.

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang

Địa chỉ: Số 04 đường 30/4, khu phố 2, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố P: Ông Huỳnh Quang H – Chức vụ: Chủ tịch.

Người bảo vệ và quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Huỳnh Văn Đ – Trưởng phòng tài nguyên và môi trường (vắng mặt)

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Dương Tấn T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/01/2018 của ông Dương Tấn T và quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền ông L Văn S trình bày:

Diện tích đất 27.898,2m² tại ấp Đường Bào, xã D, huyện P (nay là thành phố P), tỉnh Kiên Giang có nguồn gốc là do ông Huỳnh Phước M khai phá năm 1980, sử dụng trồng đào, dừa, tràm bông vàng. Đến năm 2008, ông M cho lại con trai là ông Huỳnh Thanh H, sau đó ông H chuyển nhượng lại cho ông Lê Văn L và ông L chuyển nhượng lại cho ông T. Khi nhận chuyển nhượng đất từ ông L, gia đình ông T đã liên tục canh tác sử dụng ổn định phần đất để tiếp tục trồng đào, tràm bông vàng.v.v...

Ngày 28/10/2011 UBND huyện P ban hành Quyết định số 5310/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 4.492,3m² và Quyết định số 5311/QĐ-UBND thu hồi diện tích 23.405,9m² của ông T.

Ngày 10/11/2011 UBND huyện P ban hành Quyết định số 5599/QĐ-UBND bồi thường 619.815.800 đồng cho diện tích đất 4.492,3m², còn diện tích 23.405,9m² không bồi thường cho ông T. Ông T không đồng ý nên khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện P. Ngày 14/5/2013 UBND huyện P ban hành Quyết định số 2673/QĐ-UBND bồi thường bổ sung cho ông T số tiền 1.858.427.400 đồng đối với diện tích đất 4.492,3m², còn diện tích 23.405,9m² không bồi thường cho ông T.

Ngày 02/6/2017 Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 5854/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại không chấp nhận bồi thường diện tích 23.405,9m² vì cho rằng diện tích đất này do ông Huỳnh Thanh H bao chiếm đất do Ban Quản lý rừng phòng hộ quản lý. Việc Chủ tịch UBND huyện P cho rằng diện tích 23.405,9m² do ông H bao chiếm đất của Ban Quản lý rừng phòng hộ quản lý là hoàn toàn chủ quan, từ đó ban hành Quyết định số 5854/QĐ-UBND là không đúng. Vì diện tích đất này do ông Huỳnh Phước M là cha ông H đã khai khẩn, quản lý và sử dụng từ trước năm 1980. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Tấn T, hủy Quyết định số 5854/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện P và buộc UBND thành phố P ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ diện tích 23.405,9m² và bồi thường cây trồng trên đất cho ông T.

Tại phiên đối thoại, ông Sang đã rút yêu cầu bồi thường cây trồng trên đất.

Người bị kiện UBND thành phố P và Chủ tịch UBND thành phố P do người đại diện theo ủy quyền ông Trần Chiến T trình bày:

Thửa thứ nhất diện tích 4.492,3m² trước năm 1980 gia đình ông Huỳnh Phước M sử dụng chôn cất người thân và quản lý sử dụng đến năm 2008 cho lại con là ông Huỳnh Thanh H. Sau đó ông H chuyển nhượng cho ông Lê Văn L, ông L tiếp tục chuyển nhượng cho ông Dương Tấn T (có giấy tay chuyển nhượng ngày 01/02/2008 do ông H trực tiếp đứng tên bán cho ông T).

Thửa thứ hai diện tích 23.405,9m² đất trước năm 2008 là đất do Ban quản lý rừng phòng hộ quản lý theo Quyết định số 2163/QĐ-UBND ngày 18/6/1998 của UBND tỉnh Kiên Giang. Năm 2008, ông H vào chiếm và chuyển nhượng cho ông Lê Văn L, hiện trạng trên đất lúc ông H chuyển nhượng cho ông L có tràm bông vàng do Ban quản lý Rừng phòng hộ trồng trước đây. Ngày 24/5/2007, UBND tỉnh Kiên Giang ban hành quyết định số 904/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và giao UBND huyện P, để lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, thực hiện quy hoạch xây dựng khu du lịch – dân cư Bắc và Nam Bãi Trường tại xã D, thị trấn An Thới, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Trong năm 2008 ông L làm giấy tay (nhưng hiện nay không còn) chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trên cho ông Dương Tấn T. Việc chuyển nhượng này không phù hợp với quy định của pháp luật.

Qua kết quả xác minh, việc Nhà nước không bồi thường quyền sử dụng và không hỗ trợ diện tích 20.095,57m² cho ông Dương Tấn T là đúng với khoản 2 Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai và Điều 14, Điều 16 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất. Vì thực tế thửa đất diện tích 23.405,9m² là đất do Ban Quản lý rừng phòng hộ quản lý, việc ông Huỳnh Thanh H vào chiếm năm 2008 sau đó chuyển nhượng lại cho ông Dương Tấn T là trái phép. Mặt khác, ông T không có các giấy tờ về quyền sử dụng đất theo Điều 20 Luật Đất đai năm 2003 (nay là Điều 100 Luật Đất đai năm 2013) và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Việc ông Dương Tấn T yêu cầu bồi thường hoa màu gồm 252 cây tràm bông vàng loại A, 248 cây tràm bông vàng loại B theo phương án là không có cơ sở xem xét giải quyết vì thực tế số tràm bông vàng trên đất là do BQL Rừng phòng hộ trồng trước năm 2008.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các nội dung như theo Quyết định số 5854/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện P giải quyết khiếu nại để giải quyết bác đơn khởi kiện của ông Dương Tấn T, giữ nguyên quyết định bị kiện.

Tại Bản án số 117/2022/HC-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Căn cứ Điều 32, khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 43 Luật đất đai 2003; Điều 75, Điều 77 Luật đất đai 2013; Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Điều 32 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Tấn T về việc yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ diện tích đất 23.405,9m² và cây trồng trên đất tại ấp Đường Bào, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang cho ông T.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Dương Tấn T đối với yêu cầu hủy Quyết định số 5854/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thành phố P), tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết khiếu nại và yêu cầu giải quyết khiếu nại lại.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022 người khởi kiện ông Dương Tấn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện tranh luận: UBND cho rằng ông T vô chiếm là không đúng. Giấy xác nhận nguồn gốc trước năm 1998 đã khai khẩn, BQL rừng phòng hộ thành lập năm 1998 nhưng đất ông T khai khẩn trước năm 1975. Nhà ông M khai khẩn là một dãy liền không thể tách ra 2 phần mà bồi thường 1 phần, 1 phần không bồi thường được. Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện, đơn kháng cáo của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã xem xét toàn diện nội dung vụ án, đánh giá đúng và đầy đủ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xác định phần đất có diện tích 23.405,9m² do gia đình ông Huỳnh Phước M và con trai là ông Huỳnh Văn H tự ý phát dọn đất do rừng phòng hộ quản lý sau đó chuyển nhượng lại cho ông L, rồi ông L chuyển cho ông T là trái phép. Việc UBND huyện P không bồi thường quyền sử dụng đất và không hỗ trợ cho ông T là đúng

quy định. Án sơ thẩm xét xử là có căn cứ và đúng pháp luật. Người khởi kiện kháng cáo không cung cấp được tài liệu mới chứng minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện nộp trong thời hạn quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện: Cấp sơ thẩm đã xác định đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện:

Phần đất mà ông T nhận chuyển nhượng từ ông Huỳnh Thanh H thể hiện trên giấy tay gồm 02 thửa: thửa thứ nhất diện tích 4.492,3m² trước năm 1980 gia đình ông Huỳnh Phước M sử dụng chôn cất người thân và quản lý sử dụng đến năm 2008 cho lại con là ông Huỳnh Thanh H. Sau đó ông H chuyển nhượng cho ông Lê Văn L, ông L tiếp tục chuyển nhượng cho ông Dương Tân T (có giấy tay chuyển nhượng ngày 01/02/2008 do ông H trực tiếp đứng tên chuyển nhượng cho ông T). Đối với thửa đất này UBND huyện P đã có Quyết định số 5310/QĐ-UBND thu hồi đất và Quyết định số 5599/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 về việc bồi thường, hỗ trợ và Quyết định số 2673/QĐ-UBND ngày 14/5/2013 bồi thường bổ sung cho ông T. Ông T không khiếu nại đối với việc thu hồi và bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất này.

Thửa thứ hai diện tích 23.405,9m² đất theo ông T trình bày là do ông M khai phá sử dụng từ trước năm 1980, UBND huyện P thu hồi nhưng không bồi thường, hỗ trợ cho ông là không đúng quy định pháp luật. Hội đồng xét xử thấy: nguồn gốc đất có nguồn gốc do ông Huỳnh Văn M và em gái là bà Huỳnh Mỹ D tự khai phá để chôn cất người thân và chỉ khai phá đến hết ranh các ngôi mộ, còn phần đất phía sau các ngôi mộ là đất rừng phòng hộ và tràm bông vàng là do nhà nước trồng. Ông T không nhận chuyển nhượng đất trực tiếp từ ông H mà nhận chuyển nhượng lại từ ông Lê Văn L, theo lời trình bày của ông L (bút lục 70, 72) thì ông L nhận chuyển nhượng đất từ ông H năm 2009, đến khoảng năm 2010 ông chuyển nhượng lại cho ông T. Khi ông L nhận chuyển nhượng đất từ ông H, ông L chỉ muốn mua phần đất có các ngôi mộ còn phần đất sau hậu không muốn mua nhưng ông H yêu cầu mua hết mới chuyển nhượng. Ông L biết phần đất sau hậu là phần đất thuộc rừng phòng hộ quản lý và tràm bông vàng do rừng phòng hộ trồng. Sau khi nhận chuyển nhượng từ ông H thì khoảng năm 2010 ông L chuyển nhượng cho ông T nên ông L không có sử dụng, canh tác phần đất. Mặt khác, theo trình bày của ông Huỳnh Thanh H tại biên bản ngày 9/8/2012 (bút lục 63) thì phần đất giáp với phần đất có mộ của gia đình là do ông M thuê người phát dọn vào năm 2007-2008.

Tại biên bản đo đạc hiện trạng thực tế thửa đất ông Dương Tấn T do Thanh tra huyện P lập có sự chứng kiến của ông T ngày 11/6/2012 thể hiện đất có hai thửa: 1 thửa có diện tích 18.370,16m² có trồng tràm bông vàng đều hết thửa đất, từ lúc ông chuyển nhượng đất đã có sẵn, ông T không có trồng. Thửa thứ hai có diện tích 5.035,6m² không có cây trồng.

Toàn bộ diện tích 23.405,9m² đất thuộc thửa 266 thuộc quyền quản lý của rừng phòng hộ theo Quyết định số 2163/QĐ-UBND ngày 18/6/1998 của UBND tỉnh Kiên Giang. Ông T hiện không có các giấy tờ về quyền sử dụng đất theo Điều 20 Luật Đất đai năm 2003 (nay là Điều 100 Luật Đất đai năm 2013) và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

UBND huyện P, tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định số 5311/QĐ-UBND ngày 28/10/2011 thu hồi của ông Dương Tấn T diện tích đất 23.405,9m² là thực hiện Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 24/5/2007 của UBND tỉnh Kiên Giang ban hành về việc thu hồi đất và giao UBND huyện P, để lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, thực hiện quy hoạch xây dựng khu du lịch – dân cư Bắc và Nam Bãi Trường tại xã D, thị trấn An Thới, huyện P, tỉnh Kiên Giang và ban hành Quyết định số 2673/QĐ-UBND ngày 14/5/2013 bồi thường bổ sung cho ông T UBND huyện P là đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai năm 2003.

Sau đó, ông T khiếu nại và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang giải quyết khiếu nại bằng Quyết định số 5854/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 là đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại.

Tại phiên tòa ông Sang là người đại diện theo ủy quyền của ông T cho rằng những người làm chứng là ông Võ Văn Th, ông Nguyễn Văn Đ xác nhận ông Huỳnh Văn M là người khai khẩn và sử dụng đất ổn định từ trước năm 1980 đến khi bị thu hồi đất. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 29/7/2022 thì ông Đ và ông Th chỉ biết ông M có khai khẩn và cất nhà trồng trọt trên đất nhưng không biết diện tích đất là bao nhiêu. Ngoài ra, ông Sang cũng không cung cấp được địa chỉ hiện tại của ông H là con ông M, ông L để đối chất cũng như không có chứng cứ nào khác để xác định đất đủ điều kiện bồi thường.

Như vậy có căn cứ để xác định diện tích 23.405,9m² đất là do gia đình ông H tự ý phát dọn đất do rừng phòng hộ quản lý năm 2008 và chuyển nhượng lại cho ông L, ông L chuyển nhượng lại cho ông T là trái phép và việc UBND huyện P không bồi thường quyền sử dụng và không hỗ trợ cho ông Dương Tấn T là đúng với khoản 2 Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai và Điều 14, Điều 16 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Dương Tấn T về việc yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại của

UBND huyện P và giải quyết khiếu nại lại. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc UBND thành phố P ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ diện tích 23.405,9m² và cây trồng trên đất là có căn cứ đúng pháp luật.

Ông Dương Tấn T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới nên không có cơ sở chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Ông Dương Tấn T phải chịu 300.000 đồng án phí.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Dương Tấn T
- Giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm:

Căn cứ Điều 32, khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 43 Luật đất đai 2003; Điều 75, Điều 77 Luật đất đai 2013; Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Điều 32 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Tấn T về việc yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ diện tích đất 23.405,9m² và cây trồng trên đất tại ấp Đường Bào, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang cho ông T.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Dương Tấn T đối với yêu cầu hủy Quyết định số 5854/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thành phố P), tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết khiếu nại và yêu cầu giải quyết khiếu nại lại.

II. Về án phí hành chính:

Án phí sơ thẩm: Ông Dương Tấn T phải chịu án phí 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004013 ngày 16/3/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Án phí phúc thẩm: Ông Dương Tấn T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 0001954 ngày 17/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Đương sự (3);
- Lưu: HS, VP. (16)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Huyền Vân